TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày 26-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liễu Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Thị Bời;

Bà Nguyễn Thị Lợi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Triệu Tuấn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mã Thị Kim Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Duy K, sinh năm 1987. Hộ khẩu thường trú: Xóm *, thôn X, xã Đ, thành phố Hải Phòng (trước đây là Xóm *, thôn X, xã H1, huyện T1, tỉnh Hải Dương). Chỗ ở hiện nay: Số * đường T2, phường T3, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là số * đường T2, xã H2, thành phố L1, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị L2, sinh năm 1977. Hộ khẩu thường trú: Xã N, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là thị trấn N, huyện L3, tỉnh Lạng Sơn). Chỗ ở hiện nay: Thôn T4, xã H3, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là thôn T4, xã T5, huyện V, tỉnh Lạng Sơn); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Duy K trình bày: Ông và bà Trần Thị L2 đã cùng nhau tiến hành lập văn bản thoả thuận và cam kết để thực hiện việc vay tiền, trong đó có thỏa

thuận cụ thể về số tiền vay, thời gian trả nợ, hậu quả pháp lý của việc không trả được nợ. Cụ thể số tiền bà Trần Thị L2 vay của ông là 26.000.000 đồng; ông đã giao cho bà Trần Thị L2 đầy đủ. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng, kể từ ngày 29/05/2023 đến ngày 29/07/2023. Hiện nay đã hết thời hạn vay rất lâu theo như hai bên đã thỏa thuận. Ông đã nhiều lần liên hệ với bà Trần Thị L2 để yêu cầu trả tiền, ban đầu bà Trần Thị L2 còn hứa hẹn là sẽ trả, nhưng sau nhiều lần hứa hẹn bà Trần Thị L2 vẫn chưa trả tiền cho ông. Ông đã tìm mọi cách để liên lạc với bà Trần Thị L2 nhưng bà Trần Thị L2 không nghe điện thoại, tránh mặt ông và không trả tiền cho ông. Về tiền lãi ông yêu cầu tính lãi suất 10%/năm (theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015); thời gian tính lãi từ ngày 29/05/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/8/2025 với số tiền lãi là 4.550.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu thanh toán là 30.550.000 đồng (trong đó tiền gốc là 26.000.000 đồng và tiền lãi là 4.550.000 đồng).

Bị đơn bà Trần Thị L2 trình bày: Bà có quen biết với ông Phạm Duy K chỉ là quen biết xã giao. Sau đó, bà có được vay tiền của ông Phạm Duy K số tiền 20.000.000 đồng vào khoảng tháng 5 năm 2024, không phải như tại đơn khởi kiện của ông Phạm Duy K là vay số tiền 26.000.000 đồng. Bà được nhận từ ông Phạm Duy K tiền mặt là 10.000.000 đồng và nhận chuyển khoản là 10.000.000 đồng. Khi vay mượn làm hợp đồng thì có mượn số tiền là 26.000.000 đồng và bà cũng đã ký vào hợp đồng này. Do vậy, bà cũng đồng ý trả cho ông Phạm Duy K số tiền là 26.000.000 đồng; mỗi tháng bà trả cho ông Phạm Duy K số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ. Bà cam kết sẽ trả cho ông Phạm Duy K số tiền gốc là 26.000.000 đồng và số tiền lãi là 4.550.000 đồng. Sau đó, bà Trần Thị L2 thay đổi lời khai thừa nhận đã được vay tiền của ông Phạm Duy K tổng số tiền là 26.000.000 đồng. Do nhận tiền nhiều lần nên khi khai ở trên bà không nhớ rõ. Bà đồng ý trả cho ông Phạm Duy K số tiền gốc là 26.000.000 đồng và số tiền lãi 4.550.000 đồng theo như đơn khởi kiện của ông Phạm Duy K.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến giữ nguyên các nội dung đã trình bày; bị đơn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Duy K, buộc bà Trần Thị L2 phải trả cho ông Phạm Duy K tổng số tiền 30.550.000 đồng (trong đó, tiền nợ gốc là 26.000.000 đồng và tiền lãi là 4.550.000 đồng); bà Trần Thị L2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Duy K có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 – Lạng Sơn) giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Trần Thị L2 có nơi cư trú tại xã H3, tỉnh Lạng Sơn; do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn theo khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự viết bản tự khai, lấy lời khai; thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các văn bản đều được tống đạt hợp lệ cho đương sự. Sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn nộp bổ sung tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thông báo và sao gửi cho đương sự; bị đơn không chấp hành, không có mặt tại Toà án; bị đơn được triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Toà án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về việc vay nợ: Ông Phạm Duy K khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị L2 thanh toán số tiền vay theo hợp đồng, tiền nợ gốc là 26.000.000 đồng, tiền lãi là 4.550.000 đồng; tổng cộng là 30.550.000 đồng. Việc thỏa thuận vay nợ được lập thành văn bản có sự chứng kiến của Thừa phát lại thuộc Văn phòng Thừa phát lại S ghi nhận tại Vi bằng số 596/2023/VB-TPLSĐ ngày 29/5/2023, ghi nhận sự việc bà Trần Thị L2 vay số tiền 26.000.000 đồng của ông Phạm Duy K và thể hiện thực tế việc chuyển giao tiền tại văn bản thỏa thuận và cam kết, biên bản giao nhận tiền được lập cùng ngày 29/5/2023 có sự ký nhận của bên vay và bên cho vay; vi bằng được lập đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Bản thân bà Trần Thị L2 cũng thừa nhận được vay nợ ông Phạm Duy K, hai bên có làm hợp đồng và ký vào các văn bản thỏa thuận. Tuy lúc đầu, bà Trần Thị L2 cho rằng chỉ được nhận 20.000.000 đồng, nhưng sau đó đã thừa nhận được vay 26.000.000 đồng và đồng ý trả gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Dựa trên lời trình bày, hợp đồng, vi bằng và sự thừa nhận của bị đơn, có căn cứ chứng minh bà Trần Thị L2 đã vay của ông Phạm Duy K số tiền 26.000.000 đồng. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận bà Trần Thị L2 đã vay ông Phạm Duy K số tiền 26.000.000 đồng và hai bên có thỏa thuận trả lãi. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Duy K, buộc bà Trần Thị L2 phải có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Duy K số tiền nợ gốc là 26.000.000 đồng.

[3] Về tiền lãi: Trong hợp đồng có thời hạn vay là 02 tháng từ ngày 29/05/2023 đến ngày 29/07/2023, có nội dung trả lãi nhưng không có thỏa thuận cụ thể về lãi suất. Do đó, căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, mức lãi suất là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng tính trên số tiền vay, thời gian vay và số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời điểm tính lãi từ ngày 29/5/2023 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 26/8/2025 là 26 tháng 29 ngày, do đó tiền lãi được tính như sau: 26.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 26 tháng 29 ngày = 5.819.400 đồng. Ông Phạm Duy K chỉ yêu cầu thanh toán số tiền lãi là 4.550.000 đồng là sự tự nguyện, có lợi cho bị đơn,

phù hợp với quy định của pháp luật và bị đơn cũng đồng ý trả số tiền lãi 4.550.000 đồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Duy K tự nguyện yêu cầu bà Trần Thị L2 thanh toán số tiền lãi tính đến ngày 26/8/2025 là 4.550.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trần Thị L2 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.527.500 đồng; ông Phạm Duy K được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 764.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001424 ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực * – Lạng Sơn).

[5] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, các khoản 1, 3, 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Duy K. Bà Trần Thị L2 có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Duy K tổng số tiền là 30.550.000 đồng (trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 26.000.000 đồng và tiền lãi là 4.550.000 đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị L2 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.527.500 đồng, để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Ông Phạm Duy K được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 764.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001424 ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực * – Lạng Sơn).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lạng Sơn (PGĐ, KT, TT&THA);
- VKSND Khu vực 2 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Liễu Thị Hạnh